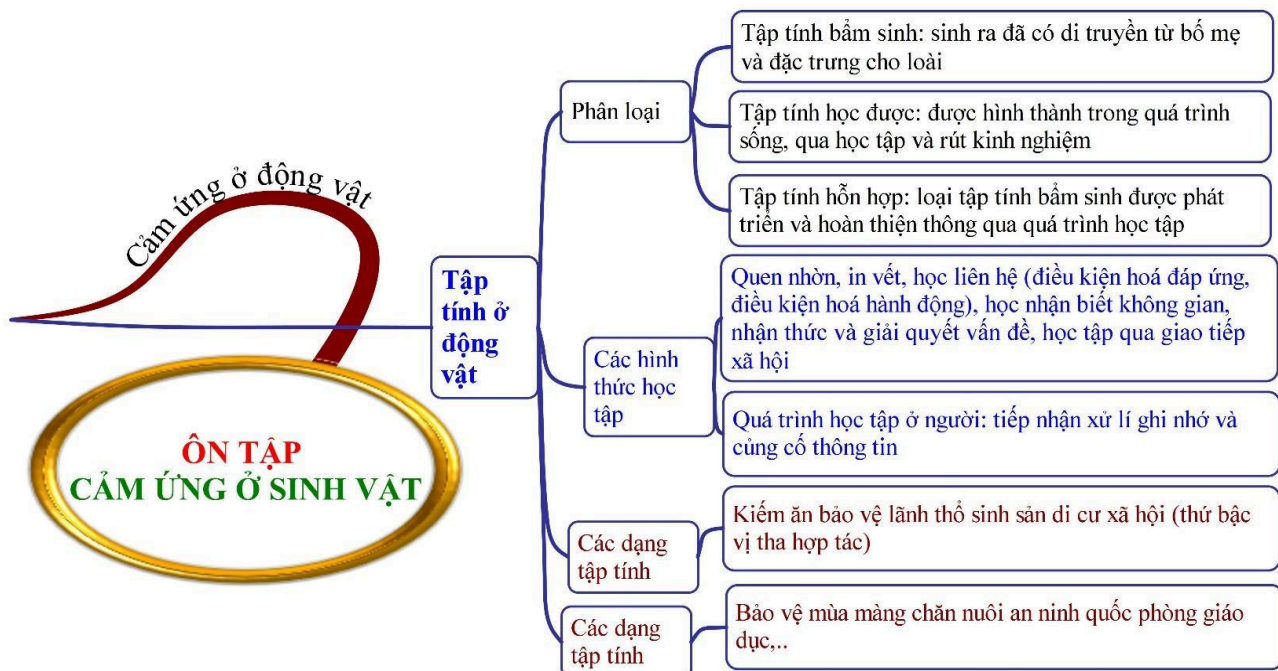
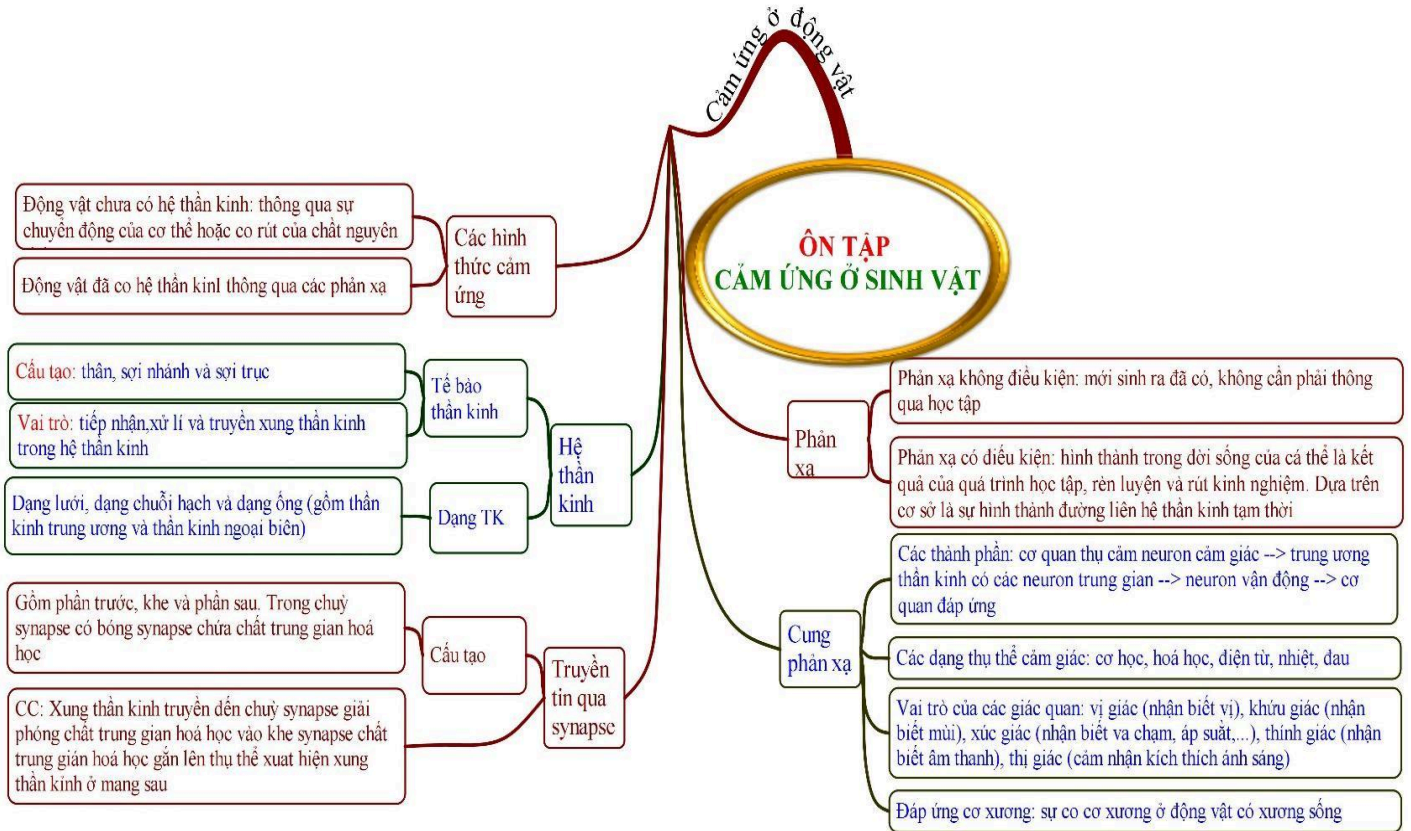
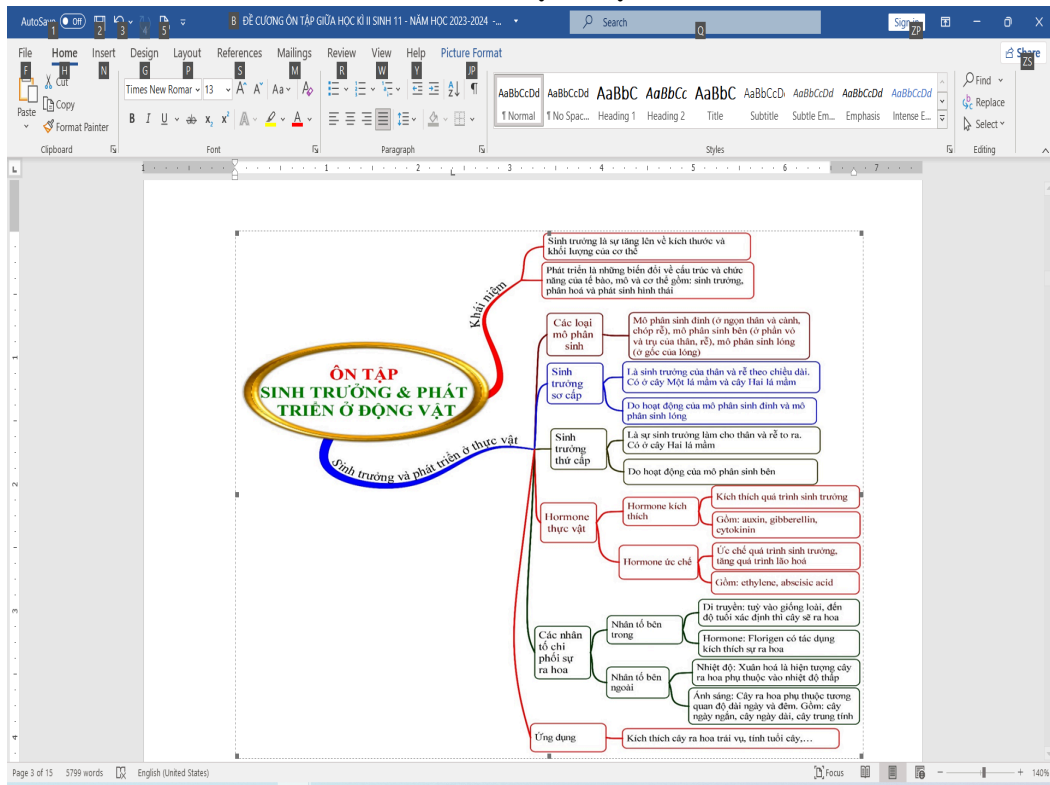


ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II - SINH 11 NĂM HỌC 2025 - 2026

I. LÝ THUYẾT



ÔN TẬP SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT



II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Bài 13. CẢM ỨNG Ở ĐỘNG VẬT

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Diện tiếp xúc giữa tế bào thần kinh với tế bào khác được gọi là

- A. neuron. B. synapse. C. myelin. D. Ranvier

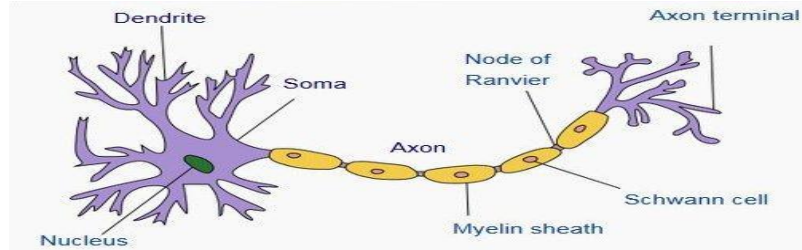
Câu 2. Thụ thể nào có vai trò “phát hiện nóng, lạnh, gửi thông tin đến trung khu điều hòa thân nhiệt”?

- A. Thụ thể đau. B. Thụ thể nhiệt. C. Thụ thể cơ học. D. Thụ thể hóa học.

Câu 3. Quá trình cảm nhận ánh sáng có thể tóm tắt theo sơ đồ nào sau đây?

- A. Mắt → Dây thần kinh thị giác → Vùng thị giác trên vỏ não.
 B. Dây thần kinh thị giác → Vùng thị giác trên vỏ não → Mắt.
 C. Vùng thị giác trên vỏ não → Mắt → Dây thần kinh thị giác.
 D. Mắt → Vùng thị giác trên vỏ não → Dây thần kinh thị giác.

Câu 4. Quan sát hình và cho biết cấu trúc của neuron?

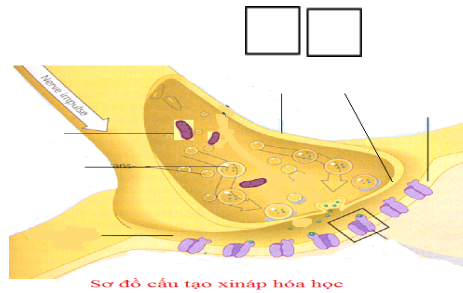


- A. Sợi nhánh và thân neuron. B. Thân neuron, sợi nhánh và sợi trục.
 C. Thân neuron và sợi trục. D. Sợi trục và nhân

Câu 5. Phản xạ là gì?

- A. Phản ứng của cơ thể thông qua hệ thần kinh trả lời lại các kích thích chỉ bên ngoài cơ thể.
 B. Phản ứng của cơ thể thông qua hệ thần kinh chỉ trả lời lại các kích thích bên trong cơ thể.
 C. Phản ứng của cơ thể thông qua hệ thần kinh trả lời lại các kích thích bên trong hoặc bên ngoài cơ thể.
 D. Phản ứng của cơ thể trả lời lại các kích thích đồng thời thông qua mạng lưới thần kinh bên ngoài cơ thể.

Câu 6. Số (1) và số (2) trong hình sau tương ứng với thành phần nào trong cấu trúc của synapse?



- A. Màng sau synapse, chùy synapse. B. Màng trước synapse, chùy synapse.
 C. Màng sau synapse, khe synapse. D. Màng trước synapse, khe synapse.

Câu 7. Chức năng của neuron là:

- A. tiếp nhận kích thích, tạo ra xung thần kinh và truyền xung thần kinh ra toàn cơ thể.
 B. tiếp nhận kích thích, tạo ra xung thần kinh và truyền xung thần kinh đến neuron khác hoặc tế bào khác.
 C. tiếp nhận xung thần kinh, tạo các kích thích và dẫn truyền đến neuron khác hoặc tế bào khác.
 D. tiếp nhận xung thần kinh, tạo các kích thích và dẫn truyền ra toàn cơ thể.

Câu 8. Ý nào **không đúng** với đặc điểm của phản xạ không điều kiện ?

- A. Thường do tủy sống điều khiển. B. Mang tính bẩm sinh và bền vững.
 C. Có số lượng không hạn chế. D. Di truyền được, đặc trưng cho loài.

Câu 9. Xét các đặc điểm sau:

- (1) Hình thành trong đời sống cá thể. (2) Rất bền vững và không thay đổi.
 (3) Tác nhân kích thích ứng với thụ thể cảm giác. (4) Có sự tham gia của vỏ não.

Trong các đặc điểm trên, những đặc điểm của phản xạ có điều kiện gồm:

- A. (1) và (4). B. (2) và (3). C. (2), (3) và (4). D. (1), (2) và (4).

Câu 10. Ý nào **không đúng** với đặc điểm của hệ thần kinh chuỗi hạch?

- A. Số lượng tế bào thần kinh tăng so với thần kinh dạng lưới.
 B. Khả năng phối hợp giữa các tế bào thần kinh tăng lên.
 C. Phản ứng cục bộ, ít tiêu tốn năng lượng so với thần kinh dạng lưới.

D. Phản ứng toàn thân, tiêu tốn nhiều năng lượng so với thần kinh dạng lưới.

Câu 11. Quá trình truyền tin qua xináp diễn ra theo trật tự nào?

A. Khe xináp □ Màng trước xináp □ Chuỳ xináp □ Màng sau xináp.

B. Màng trước xináp □ Chuỳ xináp □ Khe xináp □ Màng sau xináp.

C. Màng sau xináp □ Khe xináp □ Chuỳ xináp □ Màng trước xináp.

D. Chuỳ xináp □ Màng trước xináp □ Khe xináp □ Màng sau xináp.

Câu 12. Trình tự nào dưới đây thể hiện đúng các thành phần của một cung phản xạ?

A. Cơ quan thụ cảm → Cơ → Noron cảm giác → Noron vận động → Tủy sống

B. Cơ quan thụ cảm → Noron vận động → Tủy sống → Noron cảm giác → Cơ

C. Cơ quan thụ cảm → Tủy sống → Noron cảm giác → Noron vận động → Cơ

D. Cơ quan thụ cảm → Noron cảm giác → Tủy sống → Noron vận động → Cơ

Câu 13. Khi nói về phản xạ. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Phản xạ là phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích từ môi trường thông qua hệ thần kinh.

II. Phản xạ thực hiện qua cung phản xạ, bất kì một bộ phận nào của cung phản xạ bị tổn thương, phản xạ sẽ không thực hiện được.

III. Phản xạ ở động vật không xương sống hầu hết là các phản xạ không điều kiện.

IV. Phản xạ có điều kiện được hình thành nhờ sự thay đổi liên hệ giữa các neuron khi chúng tăng cường hoạt động do bị kích thích nhiều lần.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 14. Trường hợp nào sau đây là phản xạ không có điều kiện?

A. nghe tiếng gọi “chít chít”, gà chạy tới.

B. nhìn thấy quả chanh ta tiết nước bọt.

C. nhìn thấy con quạ bay trên trời, gà con núp vào cánh gà mẹ.

D. hít phải bụi ta “hắt xì hơi”.

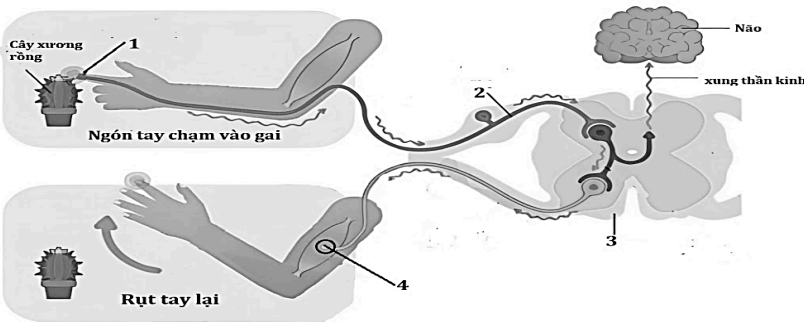
PHẦN II. CÂU HỎI ĐÚNG SAI

Câu 1. Mỗi mệnh đề sau là đúng hay sai khi nói về phản xạ ở động vật?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Phản xạ là phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích từ môi trường thông qua hệ thần kinh.		
b.	Bất kỳ bộ phận nào của cung phản xạ bị tổn thương, phản xạ sẽ không thực hiện được.		
c.	Một cung phản xạ điển hình bao gồm năm bộ phận.		
d.	Phản xạ thực hiện qua cung phản xạ.		

Câu 2. Hình bên mô tả hệ cung phản xạ của người khi tay chạm vào cây xương rồng, mỗi mệnh đề sau là Đúng hay

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Các số động.		
b.	Hệ thống quyết		
c.	Hiện tượng		
d.	Tín hiệu nhờ đó		



PHẦN III: CÂU TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Một cung phản xạ có bao nhiêu khâu?

Câu 2. Dựa vào sự tiến hóa của tổ chức thần kinh ở các nhóm động vật người ta có thể chia thành bao nhiêu dạng?

Câu 3. Cho các động vật sau: sư tử, chó, mèo, cá, sứa, mực. Có bao nhiêu động vật có thần kinh dạng ống?

Bài 14. TẬP TÍNH Ở ĐỘNG VẬT

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Tập tính là

- A. những hoạt động của cơ thể động vật thích nghi với môi trường sống.
- B. sự vận động sinh trưởng về mọi phía theo các tác nhân bên trong hay bên ngoài.
- C. vận động sinh trưởng định hướng theo các tác nhân một phía của môi trường sống.
- D. những hành động của động vật trả lời lại kích thích từ môi trường trong và ngoài, đảm bảo cho động vật tồn tại và phát triển.

Câu 2. Tập tính quen nhờn là tập tính động vật không trả lời khi kích thích

- A. không liên tục và không gây nguy hiểm gì.
- B. lặp đi lặp lại nhiều lần và không gây nguy hiểm gì.
- C. ngắn gọn và không gây nguy hiểm gì.
- D. giảm dần cường độ và không gây nguy hiểm gì.

Câu 3. Các loài động vật thường dùng mùi hoặc nước tiểu, phân của mình để đánh dấu lãnh thổ. Đây là

- A. tập tính kiếm ăn.
- B. tập tính sinh sản.
- C. tập tính bảo vệ lãnh thổ.
- D. tập tính trốn tránh kẻ thù.

Câu 4. Hình thức học tập nào sau đây là động vật học bằng cách quan sát và bắt chước hành vi của động vật khác?

- A. In vết.
- B. Quen nhờn.
- C. Học liên kết.
- D. Học xã hội.

Câu 5. Nếu thả một hòn đá nhỏ bên cạnh con rùa, rùa sẽ rút đầu và chân vào mai. Lặp lại hành động đó nhiều lần thì rùa sẽ không rút đầu và chân vào mai nữa. Đây là ví dụ về hình thức học tập?

- A. In vết.
- B. Quen nhờn.
- C. Học xã hội.
- D. Học liên hệ.

Câu 6. Trước khi cho gà ăn, ta tạo một tiếng động đặc trưng và lặp đi lặp lại nhiều lần việc phối hợp ấy. về sau khi nghe tiếng động đặc trưng ấy, gà chạy đến. Đây là một ví dụ về hình thức học tập:

- A. Điều kiện hóa đáp ứng.
- B. Điều kiện hóa hành động.
- C. In vết.
- D. Nhận thức và giải quyết vấn đề

Câu 7. Ve sầu kêu vào mùa hè oi ả, ếch đực kêu vào mùa sinh sản là tập tính

- A. học được
- B. bẩm sinh
- C. hỗn hợp
- D. vừa bẩm sinh, vừa hỗn hợp

Câu 8. Hình thức học tập nào được thể hiện trong

hình?

- A. In vết
- B. Học liên hệ
- C. Học cách nhận biết không gian
- D. Quen nhờn

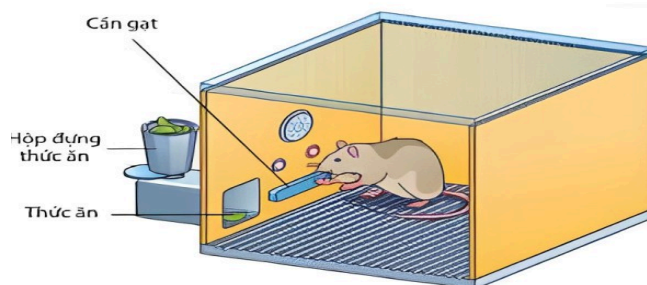


Câu 9. Tập tính bẩm sinh là:

- A. Sinh ra đã có, di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài
- B. Sinh ra vài tháng sau mới có, di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài
- C. Sinh ra đã có, không di truyền từ bố mẹ, không đặc trưng cho loài
- D. Là tập tính học được từ bố mẹ

Câu 10. Hình thức học tập ở hình bên là

- A. in vết
- B. liên hệ
- C. giải quyết vấn đề
- D. học xã hội



Câu 11. Hình thức học tập ở hình bên là



- A.in vết B.liên hệ C.giải quyết vấn đề D.học xã hội

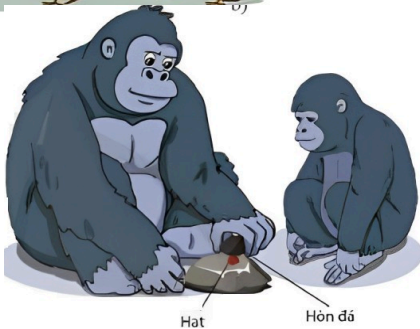
Câu 12. Hình thức học tập ở hình bên là

- A.in vết
B.liên hệ
C.giải quyết vấn đề
D.học xã hội



Câu 13. Hình thức học tập ở hình bên

- A.in vết
B.liên hệ
C.giải quyết vấn đề
D.học xã hội



là

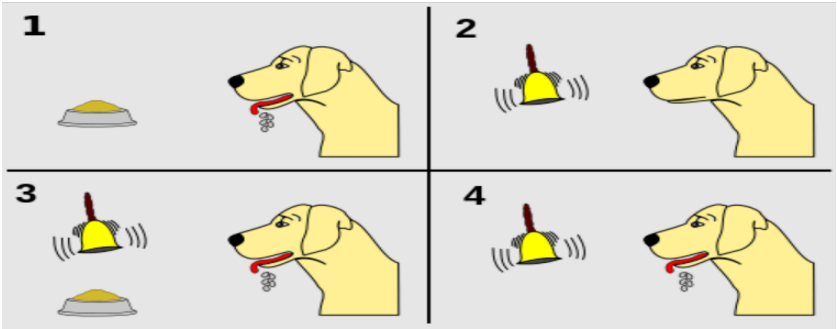
PHẦN II. CÂU HỎI ĐÚNG SAI

Câu 1. Ở loài chim tu hú, thay vì làm tổ, để trứng rồi ấp và chăm con như những loài chim khác, vào mùa sinh sản, chim tu hú cái thường đi tìm tổ chim chích và gửi trứng của mình ở trong đó. Trước khi bỏ đi, tu hú mẹ không quên “tẩm bổ” cho mình bằng một quả trứng chim chích, vừa mới được vài ngày tuổi. Vì trứng chim tu hú khá giống trứng của loài chim chích, khiến chim chích cứ vô tư ấp nở như lẽ tự nhiên. Ngoài ra, thức ăn của tu hú mẹ là các loài sâu có độc tố. Đối với chim tu hú trưởng thành chúng có khả năng miễn nhiễm, tuy vậy ở chim tu hú non còn yếu ớt rất dễ gặp nguy hiểm, thậm chí mất mạng, khi ăn phải loài sâu này. Tìm hiểu về loài chim tú hú và xét các nhận định sau đây đúng hay sai.

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Tập tính bẩm sinh của loài chim tú hú là để trứng vào tổ của chim chích và để chim chích ấp trứng thay mình.		
b. Khi nhìn thấy trứng của chim chích, tập tính săn mồi của chim tú hú trỗi dậy và chúng ăn luôn những quả trứng đó.		
c. Tập tính vị tha đã khiến chim chích vô tư ấp nở trứng của chim tu hú.		
d. Để và nhờ loài khác nuôi hộ con của mình là việc làm cần thiết để tránh nguy hiểm cho con non		

Câu 2. Trong suốt sự nghiệp của mình, Pavlov quan tâm đến hoạt động của hệ thần kinh và các cơ chế điều hòa cơ thể. Thông thường, khi con người ăn, dạ dày sẽ tiết ra một lượng lớn dịch vị để giúp tiêu hóa thức ăn. Quyết tâm tìm hiểu cách đại não truyền mệnh lệnh này cho dạ dày, Pavlov đã tiến hành thí nghiệm trên chó. Ông nhận thấy dịch vị của chó tăng lên rất nhiều khi chúng nghe thấy tiếng bước chân của nhân viên

thường mang thức ăn đến cho chúng. Pavlov cho rằng tiếng bước chân báo hiệu cho chú chó biết thức ăn đang được mang tới, thông qua thần kinh, đại não ra mệnh lệnh làm cho dạ dày tiết ra dịch vị. Từ phát hiện này, Pavlov nghĩ rằng, bất kỳ một tín hiệu nào như tiếng chuông, tiếng huýt sáo... gắn liền với sự xuất hiện của thức ăn trong một thời gian dài liên tục sẽ cho ra kết quả tương tự.



Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Thí nghiệm trên chứng minh về sự phản xạ không điều kiện của động vật		
b. Thí nghiệm trên phản ánh tập tính học được của loài chó		
c. Số lượng tập tính học được là có hạn chế.		
d. Tiếng chuông là điều kiện cần và đủ để kích hoạt phản xạ của chó.		

PHẦN III: CÂU HỎI NGẮN TẬP TÍNH ĐỘNG VẬT

Câu 1. Cho các tập tính: Tìm kiếm bạn tình, tìm tổ, kiếm ăn, ấp trứng và bảo vệ con non. Có bao nhiêu tập tính thuộc tập tính sinh sản?

Câu 2. Cho các tập tính: hợp tác, tìm tổ, thứ bậc, vị tha và chăm sóc con non. Có bao nhiêu tập tính thuộc tập tính xã hội?

Câu 3. Có bao nhiêu ý đúng đúng khi nói về tập tính của động vật ?

- (1) Tập tính học được là tập tính đặc trưng cho loài đó
- (2) Tập tính kiếm ăn có vai trò quan trọng hàng đầu đối với sự sinh tồn của động vật
- (3) Tập tính sinh sản và tập tính xã hội có thể bao gồm nhiều tập tính nhỏ khác
- (4) Mỗi loài có một phạm vi bảo vệ lãnh thổ nhất định khác nhau

Câu 4. Trong các tập tính sau đây, có bao nhiêu tập tính bẩm sinh?

- (1) Tò vò đào hố trên mặt đất để làm tổ sinh sản.
- (2) Khi tham gia giao thông, thấy tín hiệu đèn đỏ thì dừng lại.
- (3) Mèo săn đuổi chuột để bắt mồi.
- (4) Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa trời râm.
- (5) Ve kêu vào mùa hè.
- (6) Chuột nghe tiếng mèo thì bỏ chạy.
- (7)Ếch kêu vào mùa sinh sản.

Bài 15: KHÁI QUÁT VỀ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Sinh trưởng ở sinh vật là quá trình tăng

- A. kích thước và khối lượng cơ thể.
- B. chiều dài của cơ thể do tăng chiều dài của tế bào.
- C. bề mặt của cơ thể do tăng bề mặt của tế bào.
- D. về kích thước của cơ thể do tăng thể tích của tế bào.

Câu 2. Phát triển là

- A. quá trình tăng kích thước và khối lượng cơ thể.
- B. sự biến đổi về cấu trúc và chức năng của tế bào, mô, cơ quan và cơ thể, diễn ra trong quá trình sống của sinh vật.
- C. quá trình phát sinh các cấu trúc mới tạo nên các cơ quan mới của cơ thể sinh vật.
- D. phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

Câu 3. Vòng đời của sinh vật là

- A. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành, sinh sản tạo cá thể mới, già đi rồi chết.
 B. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành.
 C. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra cho đến khi chết vì chịu tác động của các nhân tố sinh thái.
 D. khoảng thời gian tính từ khi sinh ra cho đến khi chết vì già.

Câu 4. Ruồi nhà sống bốn tuần, chuồn chuồn sống bốn tháng, chuột nhắt sống một năm. Tuổi thọ của các loài sinh vật rất khác nhau là do

- A. kiểu hình quy định. C. kiểu gene quy định.
 B. điều kiện môi trường sống quy định. D. chế độ dinh dưỡng quy định.

Câu 5. Dấu hiệu nào sau đây **không** phải là dấu hiệu đặc trưng của phát triển?

- A. Phân hóa tế bào. B. Phát sinh hình thái.
 C. Tăng khối lượng, kích thước tế bào. D. Thay đổi chức năng sinh lý của cơ thể

Câu 6. Khi nói về sự sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Cây ra lá là sự phát triển của thực vật.
 II. Con gà tăng khối lượng từ 1,3 kg đến 3,1 kg là sự sinh trưởng của động vật.
 III. Phát triển là cơ sở cho sinh trưởng, sinh trưởng làm thay đổi và thúc đẩy phát triển.
 IV. Sinh trưởng và phát triển có liên quan mật thiết với nhau, không tách rời nhau và đan xen với nhau.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 7. Khi nói về dấu hiệu biểu hiện sự sinh trưởng của động vật. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Con bò tăng khối lượng cơ thể từ 60 kg đến 120 kg. II. Con gà trống mọc mào và cựa.
 III. Con gà mái đẻ trứng. IV. Con trăn tăng chiều dài cơ thể thêm 22 cm.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Bài 16: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Mô phân sinh ở thực vật là

- A. nhóm các tế bào chưa phân hóa, nhưng khả năng nguyên phân rất hạn chế.
 B. nhóm các tế bào chưa phân hóa, duy trì được khả năng nguyên phân.
 C. nhóm các tế bào chưa phân hóa, mất dần khả năng nguyên phân.
 D. nhóm các tế bào phân hóa, chuyên hóa về chức năng.

Câu 2. Hormone thực vật là những chất hữu cơ cho cơ thể thực vật tiết ra

- A. có tác dụng điều hòa hoạt động của cây. B. có tác dụng ức chế hoạt động của cây.
 C. có tác dụng kháng bệnh cho cây. D. có tác dụng kích thích sinh trưởng của cây.

Câu 3. Mô phân sinh đỉnh **không có** ở vị trí nào của cây?

- A. Ổ thân. B. Ổ chồi đỉnh. C. Ổ chồi nách. D. Ổ đỉnh rễ.

Câu 4. Sinh trưởng thứ cấp là sự tăng trưởng bề ngang của cây do

- A. mô phân sinh bên của cây thân thảo tạo ra. B. mô phân sinh lóng của cây tạo ra.
 C. mô phân sinh bên của cây một lá mầm tạo ra. D. mô phân sinh bên của cây thân gỗ tạo ra.

Câu 5. Những hormone thuộc nhóm ức chế sự sinh trưởng thực vật gồm:

- A. Ethylene và Auxin. B. Gibberellin và Abscisis acid.
 C. Cytokinin và Abscisis acid. D. Ethylene và Abscisis acid.

Câu 6. Tương quan giữa GA/AAB điều tiết trạng thái sinh lý khác nhau như thế nào?

- A. Trong hạt khô, GA và AAB đạt trị số ngang nhau.
 B. Trong hạt khô GA rất thấp, AAB đạt trị số cực đại. Trong hạt nảy mầm, GA tăng nhanh, đạt trị số cực đại còn AAB giảm xuống mạnh.
 C. Trong hạt nảy mầm, AAB có trị số lớn hơn GA.
 D. Trong hạt khô, GA đạt trị số cực đại, AAB rất thấp. Trong hạt GA giảm mạnh, còn AAB đạt trị số cực đại.

Câu 7. Đặc điểm nào **không có** ở hormone thực vật?

- A. Với nồng độ rất thấp gây ra những biến đổi mạnh trong cơ thể.
- B. Tính chuyên hoá cao hơn nhiều so với hormone ở động vật bậc cao.
- C. Trong cây, hormone được vận chuyển theo mạch gỗ và mạch rây.
- D. Được tạo ra một nơi nhưng gây ra phản ứng ở nơi khác trong cây.

Câu 8. Cho các đặc điểm sau, có bao nhiêu đặc điểm của sinh trưởng sơ cấp ở thực vật?

- I. Làm tăng chiều dài của thân và rễ.
- II. Do hoạt động của mô phân sinh bên.
- III. Chỉ xảy ra ở thực vật hai lá mầm.
- IV. Sinh trưởng theo chiều ngang của thân.

- A. 1
- B. 3
- C. 2
- D. 4

Câu 9. Hormone được ứng dụng để kích thích ra rễ của cành giâm, cành chiết trong nhân giống vô tính là

- A. gibberellin.
- B. auxin.
- C. cytokinin.
- D. kinetin.

Câu 10. Sinh trưởng sơ cấp của cây là:

- A. sự sinh trưởng của thân và rễ theo chiều dài do hoạt động của mô phân sinh đỉnh.
- B. sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động mô phân sinh lóng ở cây hai lá mầm.
- C. sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh bên ở cây hai lá mầm.
- D. sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ chỉ có ở cây một lá mầm.

Câu 11. Đặc điểm nào **không** có ở sinh trưởng thứ cấp?

- A. Làm tăng kích thước chiều ngang của cây.
- B. Diễn ra chủ yếu ở cây một lá mầm và hạn chế ở cây hai lá mầm.
- C. Diễn ra hoạt động của tầng sinh mạch.
- D. Diễn ra hoạt động của tầng sinh bản (vỏ).

Câu 12. Khi cây đã già thì lượng chất nào sau đây sẽ tăng lên?

- A. AIA
- B. Etylen
- C. Cytokinin
- D. GA

Câu 13. Những chất nào sau đây có tác dụng kích thích sự ra hoa của cây?

- 1. Gibberellin.
- 2. Cytokinin.
- 3. Cytochrome.
- 4. Phytochrome.

- A. 1,2
- B. 1,4.
- C. 2,3.
- D. 3,4.

Câu 14. Đặc điểm nào không có ở sinh trưởng sơ cấp?

- A. Làm tăng kích thước chiều dài của cây.
- B. Diễn ra hoạt động của tầng sinh bản.
- C. Diễn ra cả ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.
- D. Diễn ra hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

PHẦN II: CÂU HỎI ĐÚNG SAI

Câu 1. Hình dưới mô tả sự sinh trưởng và phát triển của cây chanh. Hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai ?



Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Hình (A) mô tả giai đoạn non trẻ, hình (B) mô tả giai đoạn trưởng thành.		
b.	Các giai đoạn trong vòng đời của cây chanh: cây con, cây trưởng thành, ra hoa, kết quả.		
c.	Quá trình sinh trưởng và phát triển diễn ra trong suốt đời sống của thực vật do sự phân chia liên tục của các tế bào tại các mô phân sinh.		
d.	Sự lớn lên của cây chanh do sự phân chia của mô phân sinh lóng.		

Câu 2. Hình bên mô tả hai loài thực vật, mỗi nhận định sau là Đúng hay Sai khi nói về sự sinh trưởng của hai loài này

Ý	Mệnh đề		Đúng	Sai
a.	Cây 1 là cây mầm chỉ có sinh trưởng thứ cấp.			
b.	Cây 2 là cây mầm vừa có sinh trưởng thứ cấp vừa có sinh trưởng sơ cấp.			
c.	Sinh trưởng thứ cấp ở cây 2 làm tăng đường kính của thân và rễ.			
d.	Cây 2 có ba loại mô phân sinh đỉnh gồm: chồi ngọn, chồi bên và rễ			

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Cho các hormone: Auxin, abscisic acid, cytokinin, gibberelin và ethylene. Có bao nhiêu hormone kích thích sinh trưởng của cơ thể thực vật?

Câu 2. Ở thực vật có bao nhiêu loại mô phân sinh ?

Câu 3. Ở thực vật có bao nhiêu kiểu sinh trưởng?

Câu 4. Auxin chủ yếu sinh ra ở bao nhiêu bộ phận trong các bộ phận sau: cuống lá, thân, cành, tế bào đang phân chia ở rễ, đỉnh của thân, tế bào đang phân chia ở quả, đỉnh cành?

Bài 17: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Cây ra hoa không phụ thuộc vào độ dài thời gian chiếu sáng được gọi là

A. cây ngày dài. B. cây ngắn ngày. C. cây trung tính. D. cây ngày ngắn.

Câu 2. Sự ra hoa của nhiều loài thực vật phụ thuộc vào tương quan độ dài ngày và đêm gọi là quang chu kì. Thực vật ngày ngắn (thực vật đêm dài) gồm các loài cây nào sau đây?

A. Thanh long, cúc, mía, củ cải đường, lạc. B. Cà chua, cà tím, cà rốt, cúc và đậu tương.

C. Đậu tây, cà tím, cà rốt, lạc và hành. D. Cúc, thuốc dục, cà tím, đậu tương và mía.

Câu 3. Sự ra hoa của nhiều loài thực vật phụ thuộc vào tương quan độ dài ngày và đêm gọi là quang chu kì. Thực vật ngày dài (thực vật đêm ngắn) gồm các loài cây nào sau đây?

A. Thanh long, đậu tây, cà rốt, củ cải đường và hành.

B. Cà chua, cà tím, cà rốt, cúc và đậu tương.

C. Đậu tây, cà tím, cà rốt, lạc và hướng dương.

D. Cúc, thuốc dục, cà tím, đậu tương và mía

Câu 2. Có bao nhiêu yếu tố dưới đây ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở thực vật?

(1)nước (2)ánh sáng (3)nhiệt độ (4) dinh dưỡng khoáng (5)sinh vật

A. 5.

B. 3.

C. 2.

D. 4.

Câu 4. Mỗi loài thực vật sinh trưởng và phát triển thuận lợi trong một khoảng nhiệt độ nhất định. Nhiệt độ tối ưu của cây ôn đới là

A. 15 – 20 °C.

B. 20 – 30 °C

C. 25 – 35 °C

D. 0 – 15 °C

Câu 5. Mỗi loài thực vật sinh trưởng và phát triển thuận lợi trong một khoảng nhiệt độ nhất định. Nhiệt độ tối ưu của cây nhiệt đới là

A. 15 – 20 °C.

B. 20 – 30 °C

C. 25 – 35 °C

D. 0 – 15 °C

Câu 6 . Trong các nhân tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển ở thực vật sau, nhân tố được xếp vào nhóm nhân tố bên trong là

A. chế độ dinh dưỡng.

B. hormone.

C. phổ ánh sáng.

D. sự xuân hóa.

Câu 7. Khi thực hiện kĩ thuật bấm ngọn, loại bỏ chồi đỉnh ở cây trồng thì sau 1 thời gian cây trồng có xu hướng

A. kích thước lá lớn dần lên.

B. rụng lá và cây sẽ chết.

C. lá vàng, cây héo úa.

D. các chồi bên sẽ phát triển.

Câu 8. Cây chuối có thời gian từ khi trồng đến khi thu hoạch là 12 – 14 tháng, sau khi trồng từ 8-10 tháng thì cây ra bắp (hoa chuối). Sự ra hoa ở cây chuối trong trường hợp này chịu sự chi phối của nhân tố nào sau đây?

A. Tuổi của cây.

B. Cường độ chiếu sáng.

C. Quang chu kì.

D. Nhiệt độ.

Câu 9. Ý nào dưới đây *không* đúng

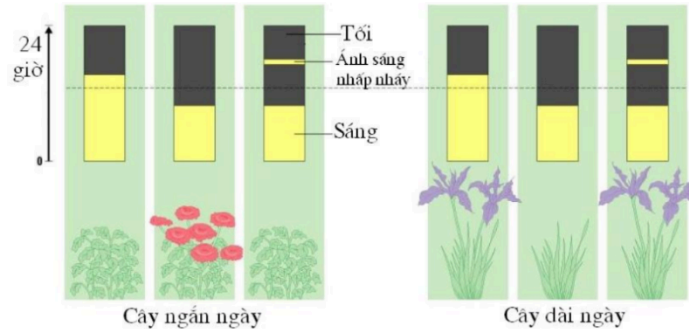
A. Nhiệt độ quá cao hay quá thấp tác động trong thời gian ngắn ức chế sự sinh trưởng của thực vật giảm khả năng thụ phấn, thụ tinh.

B. Nhiệt độ cao hoặc nhiệt độ thấp tác động trong thời gian ngắn có thể khởi động sự ra hoa.

C. Nhiệt độ tối ưu với sinh trưởng và phát triển thực vật thường ở khoảng 20 – 30 độ với cây nhiệt đới.

D. Nhiệt độ tối ưu với sinh trưởng và phát triển thực vật thường ở khoảng 15 – 20 độ với cây ôn đới.

Câu 10. Xem hình dưới và cho biết ý nào không đúng ?



A. Ánh sáng nhấp nháy trong tối không làm cho cây ngày ngắn ra hoa, còn cây ngày dài vẫn ra hoa.

B. Ánh sáng nhấp nháy trong tối không làm cho cây ngày dài ra hoa, còn cây ngày ngắn vẫn ra hoa.

C. Cây ngày ngắn không ra hoa vào ngày dài.

D. Cây ngày dài không ra hoa vào ngày ngắn.

Câu 11. Cây ngày ngắn là cây:

A. Thời gian chiếu sáng thường dưới 10 giờ, thời gian tối liên tục trên 14 giờ

B. Thời gian chiếu sáng thường trên 14 giờ hoặc thời gian tối liên tục dưới 10 giờ

C. thời gian chiếu sáng thường dưới 14 giờ, thời gian tối liên tục trên 10 giờ

D. thời gian chiếu sáng thường trên 10 giờ hoặc thời gian tối liên tục dưới 14 giờ

PHẦN II: CÂU HỎI ĐÚNG SAI

Câu 1. Bầu, tên khoa học *Lagenaria siceraria*, là một loài thực vật có hoa trong họ Bầu bí (*Cucurbitaceae*).

Loài này được (Molina) Standl. miêu tả khoa học đầu tiên năm 1930. Dây leo thân thảo có tua cuốn phân nhánh, phủ nhiều lông mềm màu trắng. Lá hình tim rộng, không xẻ thùy hoặc xẻ thùy rộng, có lông mịn như nhung màu trắng; cuống có 2 tuyến ở đỉnh. Hoa đơn tính cùng gốc, to, màu trắng, có cuống hoa dài tới 20 cm. Quả mọng màu xanh dợt hay đậm, có hình dạng khác nhau hoặc tròn, dài thẳng hoặc thắt eo, vỏ già cứng hoá gỗ, thịt trắng. Hạt trắng, dài 1,5 cm. Khi cây bầu có độ cao nhất định thì người ta tiến hành bấm ngọn cây, mỗi nhận định sau là Đúng hay Sai khi nói về kỹ thuật này

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Bấm ngọn cây bầu nhằm mục đích tăng năng suất cho cây bầu.		
b.	Bấm ngọn cây bầu để giảm bớt hàm lượng auxin (là một hormone kích thích sinh trưởng) trong ngọn cây.		
c.	Bấm ngọn cây bầu để kích thích sự phát triển của chồi bên làm tăng số lượng cành của cây.		
d.	Bấm ngọn cây bầu để hạn chế sự vươn dài của ngọn, giúp bố trí bầu leo dàn một cách hợp lí.		

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Cho các nhóm thực vật: hành, cà chua, lạc, củ cải đường, cà phê, cà tím và hướng dương. Có bao nhiêu nhóm thực vật là cây ngày ngắn?

Câu 2. Cho các chất sau: cytokinin, cytocrome, phytochrome, ethylene, gibberelin và auxin. Có bao nhiêu chất tác dụng kích thích sự ra hoa của cây?

Câu 3. Tuổi của cây một năm được tính theo bao nhiêu yếu tố trong các yếu tố sau: số lá, đường kính thân, đường kính tán lá, chiều cao của cây, số nhánh rễ ?

Bài 18: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Phát biểu **không** đúng khi nói về đặc điểm, ý nghĩa của sinh trưởng, phát triển ở động vật?

- A. Quá trình sinh trưởng, phát triển ở động vật gồm nhiều giai đoạn nối tiếp nhau.
- B. Tốc độ sinh trưởng, phát triển của cơ thể không đổi qua các giai đoạn.
- C. Sự phát triển diễn ra theo từng giai đoạn giúp cơ thể thích nghi tốt với môi trường.
- D. Đặc điểm sinh trưởng, phát triển ở mỗi giai đoạn đều phụ thuộc vào yếu tố di truyền lẫn môi trường.

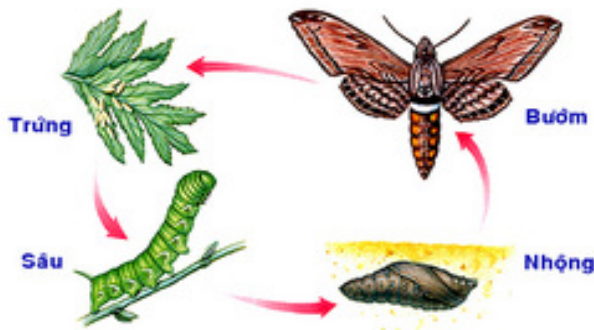
Câu 2. Nhóm động vật nào sau đây có kiểu phát triển không qua biến thái?

- A.Ếch, cá sấu.
- B. Chuồn chuồn, chim bồ câu.
- C. Chuột đồng, cá chép.
- D. Châu chấu, bò.

Câu 3. Ở động vật phát triển qua biến thái, sự biến thái diễn ra ở giai đoạn

- A. hậu phôi.
- B. phôi.
- C. trưởng thành.
- D. già.

Câu 4. Ảnh bên dưới mô tả quá trình nào sau đây?



- A. Phát triển qua biến thái không hoàn toàn.
- B. Phát triển không qua biến thái.
- C. Quá trình sinh sản.
- D. Phát triển qua biến thái hoàn toàn.

Câu 5. Phát triển của động vật qua biến thái không hoàn toàn là kiểu phát triển mà

- A. con non mới nở có hình dạng, cấu tạo và sinh lí rất khác con trưởng thành.
- B. con non mới nở có hình dạng, cấu tạo và sinh lí gần giống con trưởng thành, trải qua nhiều lần lột xác mới biến đổi thành con trưởng thành.
- C. con non mới nở phát triển chưa hoàn thiện, trải qua các giai đoạn trung gian mới biến thành con trưởng thành.
- D. con non mới nở có hình dạng, cấu tạo và sinh lí tương tự con trưởng thành.

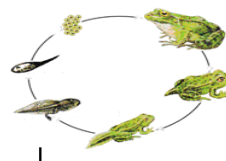
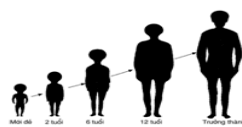
Câu 6. Quá trình phát triển của động vật đẻ trứng gồm giai đoạn

- A. phôi và sau khi sinh.
- B. phôi và hậu phôi.
- C. hậu phôi và sau khi sinh.
- D. phôi thai và sau khi sinh.

Câu 7. Phát triển của động vật qua biến thái hoàn toàn là kiểu phát triển mà

- A. con non mới nở có hình dạng, cấu tạo và sinh lí rất khác con trưởng thành.
- B. con non mới nở có hình dạng, cấu tạo và sinh lí gần giống con trưởng thành, trải qua nhiều lần lột xác mới biến đổi thành con trưởng thành.
- C. con non mới nở phát triển chưa hoàn thiện, trải qua các giai đoạn trung gian mới biến thành con trưởng thành.
- D. con non mới nở có hình dạng, cấu tạo và sinh lí tương tự con trưởng thành.

Câu 8. Dưới đây là sơ đồ phát triển của sinh vật, hãy cho biết hình nào mô tả quá trình biến thái hoàn toàn?



A. Hình 1.

B. Hình 2

C. Hình 3.

D. Không có hình nào trong các hình trên.

Câu 10. Khi nói về giai đoạn sau sinh ở người, phát biểu nào sau đây sai?

A. Sự phát triển ở người không qua biến thái.

B. Dậy thì là giai đoạn sinh trưởng và phát triển mạnh mẽ.

C. Trong giai đoạn dậy thì, cơ thể có nhiều thay đổi về thể chất, sinh lí và tâm lí.

D. Ở giai đoạn dậy thì, cơ thể cần vận động để phát triển, nên cần ít thời gian ngủ.

Câu 11. Chu kì biến thái ở bướm gồm các giai đoạn theo trình tự nào sau đây?

A. Sâu → bướm → nhộng → trứng.

B. Bướm → trứng → sâu → nhộng.

C. Trứng → sâu → nhộng → bướm.

D. Trứng → nhộng → sâu → bướm.

Câu 12. Những động vật sinh trưởng và phát triển qua biến thái không hoàn toàn là

A. Trăn, gián, dế mèn.

B. Bướm, ruồi giấm, muỗi.

C. Bọ ngựa, cào cào, dế mèn.

D. Châu chấu, ếch đồng, gián.

Câu 13. Những động vật sinh trưởng và phát triển không qua biến thái là

A. Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua.

B. Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.

C. Châu chấu, ếch đồng, muỗi.

D. Cá lóc, gà, bò, dê.

Câu 14. Chất nào sau đây ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của phôi thai, gây dị tật ở trẻ em?

A. Rượu và chất kích thích.

B. Ma túy, Thuốc lá và bia.

C. Chất kích thích, chất gây nghiện.

D. Ma túy, thuốc lá, rượu.

PHẦN II: CÂU HỎI ĐÚNG SAI.

Câu 1. Mỗi nhận định sau là đúng hay sai khi nói về sự sinh trưởng và phát triển ở động vật?

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Sự phát triển của động vật bao gồm ba quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng, biệt hoá tế bào và phát sinh hình thái.		
b. Đặc điểm của quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật thay đổi tùy theo điều kiện sống của chúng.		
c. Sinh trưởng là sự gia tăng kích thước cũng như khối lượng cơ thể động vật theo thời gian.		
d. Cơ thể động vật được hình thành do kết quả của quá trình phân hoá của hợp tử.		

Câu 2. Khi nói về giai đoạn sau sinh ở người. Phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai?

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Sự phát triển ở người không qua biến thái.		
b. Ở giai đoạn dậy thì, cơ thể cần vận động để phát triển, nên cần ít thời gian ngủ.		
c. Dậy thì là giai đoạn sinh trưởng và phát triển mạnh mẽ.		
d. Trong giai đoạn dậy thì, cơ thể có nhiều thay đổi về thể chất, sinh lí và tâm lí.		

Câu 3. Hình bên mô tả vòng đời của bướm, mỗi nhận định dưới đây là Đúng hay Sai?

	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Chú thích các con số: (1) sâu, (2) nhộng (3) trứng, (4) bướm		



b.	Ở giai đoạn (2) là giai đoạn gây ra tổn thất cho nông nghiệp nhất		
c.	Giai đoạn (4) hình thành góp phần nâng cao năng suất cây trồng vì hoạt động hút mật hoa của bướm giúp cây thụ phấn.		
d.	Sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật hóa học để phòng trừ sâu hại phá hại mùa màng.		

PHẦN III: CÂU HỎI TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Cho các loài động vật: cá chép, bò ngựa, châu chấu, ếch, cua, gà, muỗi và bọ rùa. Có bao nhiêu loài động vật sinh trưởng và phát triển qua biến thái hoàn toàn?

Câu 2. Có bao nhiêu giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở động vật?

Câu 3. Có bao nhiêu hình thức phát triển ở động vật?

Câu 4. Trong các đặc điểm: không qua lột xác, ấu trùng gần giống con trưởng thành, con non khác con trưởng thành, qua một lần lột xác. Có bao nhiêu đặc điểm không phải là đặc điểm của phát triển không qua biến thái?

Bài 19: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Nhân tố bên trong ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển ở động vật?

- A. Thức ăn B. Nhiệt độ C. Hormone D. Ánh sáng

Câu 2. Tình trạng sinh dục thứ sinh ở nam được hình thành do tác dụng của hormone:

- A. GH B. Testosterone C. Tiroxin D. Estrogen

Câu 3. Hormone làm cơ thể bé gái thay đổi mạnh về thể chất và sinh lý ở thời kì dậy thì là

- A. testosterone. B. thyroxine. C. estrogen. D. GH.

Câu 4. Kích thích quá trình trao đổi chất; ảnh hưởng đến hoạt động và chức năng của hệ thần kinh của cơ thể người là tác dụng của:

- A. thyroxine. B. estrogen. C. testosterone. D. Progesterone.

Câu 5. Đặc điểm **không** đúng đối với giai đoạn dậy thì ở nam giới:

- A. Tăng tiết hormone estrogen. B. Tinh hoàn bắt đầu sản sinh tinh trùng.
C. Tăng tiết hormone testosterone. D. Giọng nói có sự thay đổi.

Câu 6. Hormone kích thích sâu lột xác biến thành nhộng và bướm là

- A. ecdysone, juvenile. B. thyroxine, testosterone.
C. estrogen, ecdysone. D. ecdysteroid.

Câu 7. Hormone có tác dụng kích thích phát triển và hoạt động của hệ thần kinh, tăng sinh nhiệt là

- A. testosterone. B. thyroxine. C. eEstrogen. D. juvenile.

Câu 8. Nhằm điều khiển tốc độ sinh trưởng và phát triển ở vật nuôi, con người sử dụng một số biện pháp:

I/ Chọn lọc và cải tạo giống. II/ Điều khiển bằng hormone. III/ Sử dụng các loại thức ăn thích hợp theo từng giai đoạn. IV/ Vệ sinh chuồng trại, khu chăn nuôi.

V/ Bổ sung vitamin, enzyme tiêu hóa đúng cách.

Trong các biện pháp trên, nhóm các biện pháp thuộc nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật là:

- A. I, II. B. III, IV. C. III, IV, V. D. I, II, V.

Câu 9. Để vật nuôi sinh trưởng, phát triển tốt nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao, người chăn nuôi cần thực hiện tốt các biện pháp:

I- Lựa chọn địa điểm chăn nuôi, thiết kế chuồng, khu phụ trợ và các dụng cụ cần thiết phù hợp với đối tượng vật nuôi.

II- Nhập nuôi con giống phải có hồ sơ nguồn gốc: hóa đơn, giấy kiểm dịch thú y, chứng nhận đảm bảo tiêu chuẩn giống.

III- Thực hiện công tác vệ sinh thú y, quản lý và xử lý chất thải.

IV- Lập kế hoạch và ghi chép số liệu hàng ngày trong suốt quá trình chăn nuôi.

- A. I, II, III, IV. B. I, II, III. C. I, III. D. II, IV.

Câu 10. Cho các thông tin sau:

I. Kích thích phát triển xương, xương dài và to ra. II. Kích thích, duy trì chuyển hóa ở tế bào. III. Kích thích chuyển calcium vào xương. IV. Kích thích mạnh ở giai đoạn dậy thì, hình thành các đặc điểm sinh dục phụ thứ cấp.

Có bao nhiêu thông tin trên đúng với tác động của hormone Testosterone và Estrogen?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 11. Tạo chuồng trại thoáng mát, sử dụng cỏ sạch, cho bò nghe nhạc,... là các biện pháp:

- A. cải thiện nguồn vật liệu di truyền nhằm cải tạo giống.
B. cải thiện môi trường sống nhằm tăng năng suất vật nuôi.
C. cải tạo môi trường sống nhằm tạo được giống vật nuôi tốt cho năng suất cao.
D. cải thiện chất lượng sản phẩm đầu ra, thân thiện môi trường.

Câu 11. Khi trong thức ăn thiếu iodine thì hormone nào sau đây sẽ không được tạo thành ở động vật có xương sống?

- A. Testosterone. B. Thyroxine. C. Estrogen. D. Juvenile

Câu 12. Tại sao tắm nắng vào lúc ánh sáng yếu có lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của trẻ nhỏ?

- A. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá Na để hình thành xương.
B. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá Ca để hình thành xương.
C. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá K để hình thành xương.
D. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò oxy hoá để hình thành xương

PHẦN II: CÂU HỎI ĐÚNG SAI.

Câu 1. Mỗi mệnh đề sau là đúng hay sai khi nói về chức năng của hormone Juvenile?

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Gây lột xác ở sâu bướm.		
b. Kích thích quá trình trao đổi chất.		
c. Ức chế quá trình chuyển hoá sâu thành nhộng và bướm.		
d. Kích thích quá trình chuyển hoá sâu thành nhộng và bướm.		

Câu 2. Mỗi mệnh đề sau là đúng hay sai khi nói về chức năng của hormone GH?

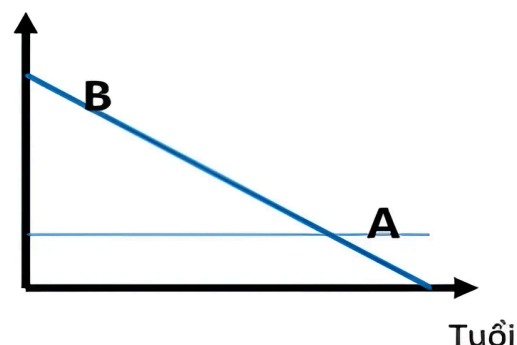
Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Kích thích sự phát triển và hoàn thiện cơ quan sinh dục nam ở giai đoạn dậy thì.		
b. Kích thích tổng hợp protein làm tăng kích thước tế bào.		
c. Kích thích phát triển xương.		
d. Kích thích quá trình trao đổi chất.		

Câu 3. Khi nói về chức năng của hormone Testosterone. Hãy cho biết mệnh đề nào đúng, mệnh đề nào sai?

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Tăng phát triển xương.		
b. Kích thích phân hoá tế bào.		
c. Tăng tổng hợp protein, phát triển cơ bắp.		
d. Hình thành các đặc điểm sinh dục phụ thứ cấp.		

Câu 4. Bướm là loài côn trùng thuộc bộ cánh vẩy Lepidoptera. Sơ đồ bên biểu diễn hàm lượng của hai loại hormone liên quan đến biến thái ở bướm kí hiệu là A và B.

Hình 1: Sơ đồ sự liên hệ nồng độ của hai loại hormone với độ tuổi của bướm



Xét các nhận định sau đây, mỗi nhận định nào đúng hay sai?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	A là hormone ecdisteroid, B là hormone juvenile		
b.	Hormone juvenile luôn giữ một lượng không đổi trong suốt cuộc đời của bướm.		
c.	Nồng độ ecdisteroid tỉ lệ nghịch với độ tuổi của bướm.		
d.	Juvenile giảm giúp cho ecdisteroid có ưu thế giúp sâu bướm lột xác thành nhộng và bướm.		

PHẦN III: CÂU HỎI TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Cho các loại hormon: thyroxine, ecdysteroid, juvenile và GH. Có bao nhiêu loại hormone điều hòa quá trình sinh trưởng và phát triển ở động vật không xương sống?

Câu 2. Trong các hormone: Thyroxine, Testosterone, Estrogen, GH. Có bao nhiêu hormone chỉ có ở nam giới mà không có ở nữ giới?

Câu 3. Trong các chức năng: Tăng phát triển xương, Kích thích phân hóa tế bào, Hình thành các đặc điểm sinh dục phụ thứ cấp, Giảm tổng hợp protein phát triển cơ bắp. Có bao nhiêu chức năng là chức năng của hormone Testosterone?